

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-7-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Sâm Châu

Ông Nguyễn Ngọc Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:** Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm 1979

Địa chỉ: tổ 7, khu 3, ấp T1, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Ông Trương Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: tổ 7, khu 3, ấp T1, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

*(Đương có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và ông Trương Văn T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 17/12/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2007 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên chơi bài bạc và mượn nợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai bên có những mâu thuẫn, bất hoà mà không giải quyết được. Hiện nay hai chúng tôi không còn quan tâm đến nhau.

Nay tôi cảm thấy không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông T.

- Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung là Trương Văn H, sinh ngày 09/6/2002; Trương Văn H1, sinh ngày 09/12/2008.

Con chung Trương Văn H đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi yêu cầu được nuôi con chung Trương Văn H1, yêu cầu ông Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Trương Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị S tự nguyện kết hôn với nhau ngày 17/12/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tôi thỉnh thoảng chơi bài bạc, vợ chồng có cãi vã bất hòa với nhau. Hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với bà S, nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và bà S có 02 con chung là Trương Văn H, sinh ngày 09/6/2002; Trương Văn H1, sinh ngày 09/12/2008.

Con chung Trương Văn H đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, thì theo nguyện vọng của con tôi đồng ý để bà S nuôi con chung Trương Văn H1, tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Trương Văn T.

+ Về con chung: Con chung Trương Văn H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Giao con chung Trương Văn H1 – sinh ngày 09/12/2008 cho bà Lê Thị Sơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà S phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Trương Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 02/2001 ngày 17/12/2001. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Lê Thị S và ông Trương Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Trương Văn T là trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng trong cuộc sống. Bị đơn ông T thừa nhận tình trạng hôn nhân của hai người theo như bà S trình bày đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ông T không đồng ý ly hôn với bà S; tuy nhiên ông T không đưa ra được phương hướng nào để vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc xin ly hôn với ông Trương Văn T.

[2.2] Về con chung:

Bà S và ông T có 02 con chung là Trương Văn H, sinh ngày 09/6/2002; Trương Văn H1, sinh ngày 09/12/2008. Con chung Trương Văn H đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Trương Văn H1 bà S và ông T đã có ý kiến thống nhất trường hợp ly hôn bà S sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu Hùng cũng có nguyện vọng sống với bà Thảo. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Trương Văn H1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là đúng quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi chung 2.000.000 đồng/tháng; ông Sơn cũng có ý kiến đồng ý đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của hai bên, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trương Văn H1 2.000.000 đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản chung:

Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà S, ông T xác định không có nợ chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Ông Trương Văn T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Trương Văn T.

2. Về con chung: Con chung Trương Văn H, sinh ngày 09/6/2002 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

Giao con chung Trương Văn H1, sinh ngày 09/12/2008 cho bà Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung Trương Văn H1 là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.**

**4. Về án phí:** Bà Lê Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà S đã nộp, theo Biên lai thu số 0005380 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà S phải chịu. Bà S đã nộp xong.

Ông Trương Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con.

**5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

# Phạm Ngọc Quyền

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

## Hội thẩm nhân dân

## Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Trịnh Sâm Châu**

**Nguyễn Ngọc Nam**

**Phạm Ngọc Quyền**



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**







